TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **131**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

2. Ông Đặng Minh Lý

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số B, ĐX027, Tổ A, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0971.351.314, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Huy T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số B, Đ, Tổ A, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0967.128.482, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày***:

Bà Phạm Thị H và ông Đỗ Huy T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 21/02/2006.

Thời gian đầu chung sống, bà H, ông T hạnh phúc, cả hai cùng chăm lo kinh tế gia đình và có 02 con chung là Đỗ Phạm Huy K, sinh ngày 29/6/2006 và Đỗ Phạm Khánh L, sinh ngày 18/8/2012.

Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống thì bà H và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Ông Thiên thường lớn tiếng nhục mạ, hành hung bà H, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình cũng như tâm lý của các con chung. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã xảy ra rất lâu nhưng vì các con còn quá nhỏ nên bà H vẫn cố gắng chịu đựng.

Hiện nay, bà H và ông T vẫn thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà H yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung và nuôi con: Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Phạm Khánh L, sinh ngày 18/8/2012; con chung Đỗ Phạm Huy K, sinh ngày 29/6/2006 do ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Thiên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Thiên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Phạm Thị H giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Căn cước công dân bà Phạm Thị H (bản công chứng); Căn cước công dân ông Đỗ Huy T (bản công chứng); Giấy chứng nhận kết hôn bà Phạm Thị H và ông Đỗ Huy T (bản công chứng); Giấy khai sinh Phạm Huy K và Đỗ Phạm Khánh L (bản công chứng); Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 17 ngày 03/5/2024 và Trích lục số 24 ngày 21/5/2024 của TAND thành phố Thủ Dầu Một (bản chính); tin nhắn zalo, điện thoại và hình ảnh bà H bị thương tích (bản in màu).*

- Tại Văn bản ý kiến ngày 02/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Huy T trình bày:

Ông Thiên thống N lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay, ông T còn tình cảm với bà H, nhiều lần ông T nói chuyện với bà H để vợ chồng quay về bên nhau nhưng bà H không đồng ý. Ông T không chấp nhận cho bà H được tự ý ly hôn vì lý do đã gây ra khoản nợ quá lớn, giờ phủi bỏ trách nhiệm lên ông T.

Về con chung: Ông Thiên thống N lời trình bày của bà H có 02 con chung như trên. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Phạm Khánh L, sinh ngày 18/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Phạm Khánh L, ông T và bà H tự thỏa thuận.

Con chung Đỗ Phạm Huy K đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Huy T không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện về nuôi con, bà H đồng ý giao con chung Đỗ Phạm Khánh L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H và ông Thiên T1 thỏa thuận. Con chung Đỗ Phạm Huy K đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ông Đỗ Huy T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà H tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con của bà H.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H, ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn do ông Thiên T2 lớn tiếng nhục mạ, hành hung bà H, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và tâm lý của các con chung. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhiều lần ông T nói chuyện với bà H để vợ chồng quay về bên nhau nhưng bà H không đồng ý.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của các đương sự và chứng cứ do bà H giao nộp, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông T là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau và cùng nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn yêu cầu nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 17 ngày 03/5/2024. Sau khi rút đơn yêu cầu, bà H và ông T không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn nên bà H nộp khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T không chấp nhận cho bà H ly hôn, cho rằng bà H đã gây ra khoản nợ quá lớn, bắt một mình ông Thiên C, đồng thời nhắn tin đe

dọa, xúc phạm bà H. Chứng tỏ ông T cũng không còn tình cảm với bà H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Về con chung: Thời gian chung sống, bà H và ông T có 02 con chung là Đỗ Phạm Huy K, sinh ngày 29/6/2006 và Đỗ Phạm Khánh L, sinh ngày 18/8/2012.

Về nuôi con: Bà H đồng ý yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đỗ Phạm Khánh L của ông T. Thỏa thuận nuôi con của bà H, ông T phù hợp nguyện vọng của cháu L nên Tòa chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Thiên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Đỗ Phạm Huy K, sinh ngày 29/6/2006 hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn, theo quy định pháp luật. Bà H được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn ông Đỗ Huy T về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông T (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07 quyển số 01 đăng ký ngày 21/02/2006 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước).

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Phạm Khánh L (nữ), sinh ngày 18/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà H và ông Thiên T1 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Đỗ Phạm Huy K (nam), sinh ngày 29/6/2006 hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Phạm Khánh L của bà H. Bà H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông T. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004474, ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình